

1. Mục tiêu:

1.1. Kiến thức học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Trình bày Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)
- Trình bày Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỷ XV.
- Trình bày Cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu thế kỷ XIX.
- Hiểu được vị trí tầm quan trọng của Biển Đông.
- Vai trò của Việt Nam và Biển Đông

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức cơ bản để trả lời câu hỏi trắc nghiệm ở các mức độ khác nhau.
- Kỹ năng so sánh, phân tích và liên hệ các sự kiện lịch sử thế giới có liên hệ với lịch sử Việt Nam.

2. Nội dung:

2.1. Bảng năng lực và cấp độ tư duy

TT	Bài/ nội dung	Mức độ đánh giá						Tổng			Tỉ lệ %
		TNKQ			Tự luận						
		Biết	Hiểu	Vd	Biết	Hiểu	Vd	Biết	Hiểu	Vd	
1	Chủ đề 5: Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)	8	5	0	0	1	0				
2	Chủ đề 6: Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	4	3				1				
Tổng số câu		12	8	0				16	11	4	
		NLC	NLC								
		2/ĐS	2/ĐS	4/ĐS	0	1	1				
Tổng số điểm		3,5	2,5	1,0		0,5	2,5	4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %		70			30			40	30	30	100%

2.2. Câu hỏi và bài tập minh họa

Phần 1: Trắc nghiệm:

a/ Nhận biết

Câu 1. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Nước Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
- B. Nhà Trần đang giai đoạn phát triển thịnh đạt.
- C. Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất.
- D. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao.

Câu 2. Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

- A. cho phát hành tiền giấy.
- B. ban hành chính sách hạn điền.
- C. cải cách chế độ giáo dục.
- D. thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 3. Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A. kinh tế.
- B. văn hoá.
- C. quân sự.
- D. xã hội.

Câu 4. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo, chấn chỉnh lại chế độ thi cử, đề cao chữ Nôm là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

A. kinh tế, xã hội. B. văn hoá, giáo dục. C. chính trị, quân sự. D. hành chính, pháp luật.

Câu 5. Năm 1460, vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước

A. khủng hoảng, suy thoái. B. đã từng bước ổn định.

C. khó khăn và bị chia cắt. D. rối ren, cát cứ khắp nơi.

Câu 6. Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực. B. mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.

C. công cuộc thống nhất đất nước. D. khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 7. Nguyên tắc ban cấp ruộng đất của chế độ quân điền là

A. lấy ruộng đất công chia cho dân. B. ưu tiên phần nhiều cho quan lại.

C. ruộng xã nào chia cho dân xã ấy. D. không chia cho trẻ em mồ côi.

Câu 8. Cuộc cải cách hành chính lớn nhất dưới triều Nguyễn được tiến hành bởi vua

A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Tự Đức. D. Hàm Nghi.

Câu 9. Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất triều đình nhà Nguyễn, vua Minh Mạng đã

A. thành lập Cơ mật viện. B. tiến hành cuộc cải cách.

C. cải tổ Văn thư phòng. D. cải tổ Quốc tử giám.

Câu 10. Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

A. kinh tế. B. chính trị. C. hành chính. D. quân sự.

Câu 11. Các quốc gia Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích trực tiếp từ

A. Biển Đông. B. Biển Đỏ. C. Biển Đen. D. Biển Hồ.

Câu 12. Quần đảo nào sau đây thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở trung tâm của Biển Đông?

A. Quần đảo Mã Lai. B. Quần đảo Bắc Cực. C. Quần đảo Thái giới. D. Quần đảo Trường Sa.

Câu 13. Biển Đông là một trong những biển lớn và là đường vận chuyển huyết mạch của khu vực

A. châu Á - Thái Bình Dương. B. Bắc Mỹ và eo biển Đan Mạch.

C. châu Âu và mũi Hảo Vọng. D. châu Phi và châu Nam Cực.

Câu 14. Tháng 3-1988, quân đội của quốc gia nào sau đây đã dùng vũ lực tấn công trái phép các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao thuộc quần đảo Trường Sa làm cho nhiều chiến sĩ Hải quân Nhân dân Việt Nam phải hi sinh?

A. Nhật Bản. B. Thụy Điển. C. Trung Quốc. D. Nam Phi.

Câu 15. Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

A. Phủ biên tạp lục. B. Lam Sơn thực lục. C. Bình Ngô đại cáo. D. Ưc Trai thi tập.

b/ Thông hiểu

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phải là khó khăn của triều đại nhà Trần ở nửa sau thế kỉ XIV?

A. Giặc Minh lấn le sang xâm lược, quân Chăm-pa tấn công.

B. Hồ Quý Ly đã tiến hành cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực.

C. Hạn hán, lũ lụt, mất mùa, đói kém xảy ra ở nhiều địa phương.

D. Nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân diễn ra chống lại triều đình.

Câu 2. Sự suy yếu của triều đại nhà Trần cuối thế kỉ XIV đã dẫn đến nguy cơ nào sau đây?

A. Đánh mất dân bản sắc văn hoá dân tộc.

B. Mất độc lập bởi sự xâm lược của phương Tây.

C. Không còn khả năng bảo vệ sự an toàn của đất nước.

D. Các khởi nghĩa nông dân sẽ lật đổ được triều đình.

Câu 3. Để khuyến khích và đề cao chữ Nôm, Hồ Quý Ly đã thực hiện biện pháp nào sau đây?

A. Dịch nhiều sách chữ Hán sang chữ Nôm.

B. Chính thức đưa văn thơ Nôm vào nội dung thi cử.

C. Bắt buộc tất cả sách biên soạn bằng chữ Nôm.

D. Mở trường dạy học hoàn toàn bằng chữ Nôm.

Câu 4. Năm 1397, Hồ Quý Ly đã đặt phép hạn điền nhằm mục đích nào sau đây?

A. Quy định số lượng gia nô được sở hữu của vương hầu, quý tộc.

B. Thể hiện sự quan tâm đến sản xuất, giúp nông nghiệp phát triển.

C. Giải quyết nhu cầu về ruộng đất cho những nông dân nghèo.

D. Hạn chế sở hữu ruộng tư, đánh mạnh vào chế độ điền trang.

Câu 5. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông từng bước tiến hành cải cách nhằm mục đích

A. tăng cường quyền lực của vua và bộ máy nhà nước.

B. đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp tiên tiến.

C. tăng cường bình đẳng, dân chủ và hạn chế phân quyền.

D. xóa bỏ tình trạng phân tán quyền lực, thống nhất đất nước.

Câu 6. Khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông chủ trương xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn ở triều đình trung ương nhằm

A. giảm công kênh bộ máy hành chính. B. tập trung quyền lực vào tay nhà vua.

C. làm mới lại tổ chức bộ máy nhà nước. D. để bộ máy hành chính không quan liêu.

Câu 7. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, việc dựng bia Tiến sĩ ở Văn Miếu nhằm mục đích

A. khẳng định nền giáo dục Nho học của nước Đại Việt.

B. ghi số lượng những người đỗ Tiến sĩ qua các kì thi Hội.

C. đề cao Nho học và tôn vinh những người đỗ đại khoa.

D. trùng tu, mở rộng, làm mới Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Câu 8. Một trong những điểm mới và tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là

A. đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân. B. bảo vệ tuyệt đối quyền và lợi ích của vua.

C. bảo vệ quyền và lợi ích của quân cấm binh. D. bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ.

Câu 9. Cuộc cải cách Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh

A. tổ chức hành chính giữa các khu vực thiếu thống nhất.

B. bộ máy hành chính nhà nước phong kiến cơ bản đã hoàn chỉnh.

C. tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất ở địa phương đã khắc phục.

D. vua Gia Long đã tiến hành cuộc cải cách hành chính hoàn chỉnh.

Câu 10. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.

B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.

C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.

D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 11. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm mục đích

A. hoàn thành cơ bản thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

B. tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.

C. xóa bỏ tình trạng cát cứ của các thế lực phong kiến.

D. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 12. Hiện nay, Việt Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố tiếp giáp với biển?

A. 26 tỉnh, thành phố.

B. 27 tỉnh, thành phố.

C. 28 tỉnh, thành phố.

D. 29 tỉnh, thành phố.

Câu 13. Hiện nay, về mặt hành chính, huyện đảo Hoàng Sa (Việt Nam) thuộc quyền quản lý hành chính của

A. thành phố Đà Nẵng.

B. tỉnh Bình Thuận.

C. tỉnh An Giang.

D. tỉnh Trà Vinh.

Câu 14. Hiện nay, về mặt hành chính, huyện đảo Trường Sa (Việt Nam) thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh

A. Khánh Hòa.

B. Bình Thuận.

C. An Giang.

D. Trà Vinh.

Câu 15. Hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí liên tục mang tính nhà nước của các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được khẳng định thông qua việc

A. thành lập và hoạt động của các đội Hoàng Sa, Bắc Hải.

B. di dân đến khai hoang và sinh sống lâu dài trên các đảo.

C. cử quân đội chính quy đến đồn trú để bảo vệ các đảo.

D. các chúa Nguyễn thường xuyên đến các đảo để thị sát.

Câu 16. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, an ninh đối với nhiều quốc gia ven biển vì lí do nào sau đây?

A. Nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, kết nối các châu lục.

B. Đây là con đường duy nhất kết nối trực tiếp vùng biển châu Âu với biển Á rập.

C. Biển Đông là tuyến vận tải biển quan trọng bậc nhất nối châu Á và châu Âu.

D. Biển Đông là tuyến vận tải đường biển ngắn nhất từ châu Âu sang châu Á.

Câu 17. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế vì

A. là tuyến đường biển duy nhất trên thế giới.

B. tập trung nhiều tuyến đường biển chiến lược.

C. ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.

D. bị nhiều cường quốc lớn chi phối, khống chế.

Câu 18. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế vì

- A. là tuyến đường biển duy nhất trên thế giới.
- B. ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng.
- D. bị nhiều cường quốc lớn chi phối, khống chế.

Câu 19. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Lượng mưa thay đổi theo vĩ độ và mùa.
- B. Nổi Đại Tây Dương đến Ấn Độ Dương.
- C. Là vùng biển chính cho tàu thuyền neo đậu.
- D. Là tuyến đường giao thông biển huyết mạch.

Câu 20. Dưới thời vua Gia Long, hoạt động khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được thể hiện qua việc

- A. di dân số lượng lớn đến khai hoang và sinh sống lâu dài trên các đảo.
- B. tổ chức đội thủy quân chuyên trách thực thi chủ quyền ở các đảo.
- C. xây dựng Hoàng Sa và Trường Sa thành ngư trường đánh bắt lớn.
- D. vua Gia Long thường xuyên đến các đảo để thị sát, nắm tình hình.

c/ Vận dụng

Câu 1. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về nhận định: “*Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn, kiên quyết và táo bạo*”?

- A. Thực hiện cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực, phần nào đáp ứng được yêu cầu lịch sử.
- B. Tiến hành một số cải cách trên các lĩnh vực, chưa đáp ứng được yêu cầu lịch sử.
- C. Tiến hành cải cách, dù chưa đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng nhưng giữ được độc lập.
- D. Tiến hành cải cách nhưng chưa đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và không giữ được độc lập.

Câu 2. Cải cách của Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV có điểm tiến bộ nào sau đây?

- A. Nho giáo trở thành tư tưởng chủ đạo trong xã hội.
- B. Nền giáo dục, khoa cử từng bước phát triển.
- C. Thể hiện tinh thần dân tộc, ý thức tự cường.
- D. Xác lập thể chế quân chủ trung ương tập quyền.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của chính sách hạn điền, hạn nô ở cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Làm suy yếu tầng lớp quý tộc triều Trần.
- B. Tăng nguồn thu nhập cho Nhà nước.
- C. Tăng cường quyền lực của Nhà nước.
- D. Xác lập thể chế quân chủ trung ương tập quyền.

Câu 4. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Nâng cao vai trò quản lí của chính quyền ở trung ương.
- B. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- C. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- D. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại.

Câu 5. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- B. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- C. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại.
- D. Tăng cường và tập trung quyền lực trong tay nhà vua.

Câu 6. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- B. Nội dung cải cách phù hợp với yêu cầu của đất nước.
- C. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- D. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại.

Câu 7. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- B. Tác động lớn đến sự phát triển của đất nước trên nhiều mặt.
- C. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- D. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại.

Câu 8. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- B. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- C. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại.
- D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho thế hệ sau.

Câu 9. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về vị trí chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam?

- A. Góp phần giảm thiểu chi phí trong ngành vận tải đường biển.
- B. Rút ngắn thời gian vận chuyển, giao lưu kinh tế được dễ dàng.
- C. Biển Đông là tuyến đường vận tải biển duy nhất của thế giới.
- D. Là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với khu vực và thế giới.

Câu 10. Đối với Việt Nam, Biển Đông có vai trò quan trọng nào sau đây ?

- A. Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú để phát triển đất nước.
- B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
- C. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
- D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

II. Trắc nghiệm lựa chọn Đúng- Sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Về văn hoá, tư tưởng, cải cách của Hồ Quý Ly thể hiện tinh thần phát huy văn hoá dân tộc, đề cao chữ Quốc ngữ (chữ Nôm), đồng thời bài bác tư tưởng các thánh hiền Trung Quốc mà gần như toàn thế giới nho sĩ bấy giờ vẫn coi là bất khả xâm phạm. Về giáo dục, nội dung cải cách thể hiện tinh thần yêu nước, tính đại chúng và gắn bó với cuộc sống.

(Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hoà, *Cải cách Hồ Quý Ly*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2012, tr.156)

- a. Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên tất cả mọi lĩnh vực
- b. Cải cách về văn hóa, tư tưởng của Hồ Quý Ly thể hiện nhiều điểm tích cực, tiến bộ
- c. Về chữ viết, Hồ Quý Ly đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Hán, đồng thời vẫn cho phép người dân được sử dụng chữ Nôm trong sáng tác thơ văn
- d. Một trong những ưu điểm trong cải cách của Hồ Quý Ly là nội dung giáo dục thể hiện tinh thần yêu nước, mang tính quần chúng sâu sắc

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lý các bộ đã hạn chế sự công kênh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 91)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự
- b. Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử
- c. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều
- d. Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chế độ quân điền, chia ruộng đất công làng xã cho người dân, từ quan tam phẩm trở xuống đến binh lính, dân đinh, cư dân trong thôn xã theo tỉ lệ. Chính sách quân điền phủ định quyền chi phối ruộng đất công của làng xã theo tục lệ, buộc làng xã phải tuân thủ những nguyên tắc quy định về phân chia và hưởng thụ bộ phận ruộng đất công theo quy định của nhà nước. Trên nguyên tắc, ruộng đất công làng xã không được đem mua bán, chuyển nhượng, quyền đó thuộc về vua. Vua trở

thành người chủ lớn nhất trong cả nước và nông dân làng xã trở thành tá điền của nhà nước, làng xã quản lí ruộng đất cho nhà nước trung ương và nhà vua”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 109)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực kinh tế
- b. Chế độ quân điền mà vua Lê Thánh Tông ban hành có điểm tích cực là đảm bảo cho người dân có ruộng đất để cày cấy, canh tác
- c. Với chính sách quân điền, nhà nước Lê sơ trở thành thế lực địa chủ tối cao, làng xã biến thành đơn vị thay mặt nhà nước quản lý ruộng đất
- d. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, chính sách quân điền gây ra nhiều hệ quả tiêu cực hơn là tích cực

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi châu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gũi đề phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tấu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc tòa Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chức lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004)

- a. Nội các là một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương nhà Nguyễn từ thời vua Minh Mạng.
- b. Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ
- c. Theo lời dụ của Minh Mạng, một trong những nhiệm vụ của Nội các là giúp vua khởi thảo sắc, chiếu, sớ tấu...
- d. Nội các chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhà vua, đồng thời chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào khoảng năm 1838, ghi rõ “Hoàng Sa”, “Vạn Lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam, phía ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam thuộc lãnh thổ Việt Nam. Trong bài “Địa lý Vương quốc Cô – chin – chi – na” (Tạp chí Hội Địa lí Hoàng gia Luân Đôn, Tập 19, 1849, tr.93) của Gút – láp, có đoạn ghi rõ Pa – ra – xeo (tức Hoàng Sa) thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là “Cát Vàng”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.86)

- a. Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào thế kỉ XVIII.
- b. Đại Nam nhất thống toàn đồ là một tài liệu, căn cứ để khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử thuộc chủ quyền của Việt Nam.
- c. Chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa còn được ghi chép trong các tài liệu của người nước ngoài.
- d. Đại Nam nhất thống toàn đồ là tấm bản đồ duy nhất của Việt Nam hiện nay thể hiện Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Với chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hòa bình, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc áp dụng có hiệu quả Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 để giải quyết các tranh chấp về phân định biển với các nước láng giềng. Việt Nam đã chủ động cùng các quốc gia có liên quan đàm phán, phân định các vùng biển chồng lấn theo quy định của Công ước, góp phần tạo môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển, như kí thỏa thuận hợp tác cùng phát triển dầu khí với Ma – lai – xi – a (1992), phân định biển với Thái Lan (1997), phân định Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc (2000), phân định thêm lục địa với In – đô – nê – xi – a (2003).

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.89)

- Việt Nam chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông thông qua biện pháp hòa bình, thương lượng.
- Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển là một văn bản pháp lý quan trọng giúp Việt Nam có thể giải quyết các tranh chấp trên biển thông qua luật pháp quốc tế.
- Việt Nam đã chủ động đàm phán và kí kết thỏa thuận với nhiều quốc gia có chung Biển Đông nhằm đảm bảo hòa bình, an ninh trên biển.
- In – đô – nê – xi – a và Việt Nam đã đàm phán và cùng đi đến thỏa thuận hợp tác phát triển dầu khí trên biển năm 2003.

Phần 2: TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly?

Câu 2: Có ý kiến cho rằng “Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn, kiên quyết và táo bạo”. Em đồng ý với nhận định đó không? Tại sao? Từ cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ, em có thể rút ra những bài học lịch sử gì?

Câu 3: Trình bày cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỉ XV. Những kinh nghiệm hoặc bài học nào từ cuộc cải cách của Lê Thánh Tông có thể vận dụng trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay.

Câu 4: Vẽ sơ đồ bộ máy chính quyền địa phương thời Nguyễn từ sau cải cách Minh Mạng. Nêu một số nội dung cải cách của vua Minh Mạng có thể kế thừa trong đời sống xã hội hiện nay.

Câu 5: Giải thích tầm quan trọng chiến lược về kinh tế và chính trị - an ninh của Biển Đông ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nêu 1 số hành động bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.

2.3. Đề minh họa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ THI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025-2026

Môn thi: LỊCH SỬ 11

Ngày thi:.....

Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề:.....

I. Trắc nghiệm khách quan *Thí sinh chọn từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án (5 điểm).*

Câu 1. Các biện pháp cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đề cao tư tưởng, tôn giáo nào sau đây?

A. Phật giáo. B. Đạo giáo. C. Nho giáo. D. Thiên chúa giáo.

Câu 2. Trong cải cách về văn hoá, Hồ Quý Ly khuyến khích và đề cao chữ viết nào sau đây?

A. Chữ Nôm. B. Chữ Hán. C. Chữ Latinh. D. Chữ Quốc ngữ.

Câu 3. Năm 1460, vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước

A. khủng hoảng, suy thoái. B. đã từng bước ổn định.

C. khó khăn và bị chia cắt. D. rối ren, cát cứ khắp nơi.

Câu 4. Về cải cách hành chính, ở trung ương, vua Lê Thánh Tông cho xóa bỏ hầu hết các chức quan

A. đại thần. B. thừa ty. C. hiến ty. D. đô ty.

Câu 5. Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất triều đình nhà Nguyễn, vua Minh Mạng đã

A. thành lập Cơ mật viện. B. tiến hành cuộc cải cách.

C. cải tổ Văn thư phòng. D. cải tổ Quốc tử giám.

Câu 6. Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

A. kinh tế. B. chính trị. C. hành chính. D. quân sự.

Câu 7. Nguyên tắc ban cấp ruộng đất của chế độ quân điền là

A. lấy ruộng đất công chia cho dân. B. ưu tiên phần nhiều cho quan lại.

C. ruộng xã nào chia cho dân xã ấy. D. không chia cho trẻ em mồ côi.

Câu 8. Cuộc cải cách hành chính lớn nhất dưới triều Nguyễn được tiến hành bởi vua

A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Tự Đức. D. Hàm Nghi.

Câu 9. Cuộc cải cách Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh

A. tổ chức hành chính giữa các khu vực thiếu thống nhất.

B. bộ máy hành chính nhà nước phong kiến cơ bản đã hoàn chỉnh.

C. tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất ở địa phương đã khắc phục.

D. vua Gia Long đã tiến hành cuộc cải cách hành chính hoàn chỉnh.

Câu 10. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
- B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
- C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.
- D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 11. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm mục đích

- A. hoàn thành cơ bản thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- B. tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
- C. xóa bỏ tình trạng cát cứ của các thế lực phong kiến.
- D. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 12. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, an ninh đối với nhiều quốc gia ven biển vì lí do nào sau đây?

- A. Nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, kết nối các châu lục.
- B. Đây là con đường duy nhất kết nối trực tiếp vùng biển châu Âu với biển Ả rập.
- C. Biển Đông là tuyến vận tải biển quan trọng bậc nhất nối châu Á và châu Âu.
- D. Biển Đông là tuyến vận tải đường biển ngắn nhất từ châu Âu sang châu Á.

Câu 13. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế vì

- A. là tuyến đường biển duy nhất trên thế giới.
- B. tập trung nhiều tuyến đường biển chiến lược.
- C. ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.
- D. bị nhiều cường quốc lớn chi phối, khống chế.

Câu 14. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế vì

- A. là tuyến đường biển duy nhất trên thế giới.
- B. ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng.
- D. bị nhiều cường quốc lớn chi phối, khống chế.

Câu 15. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Lượng mưa thay đổi theo vĩ độ và mùa.
- B. Nối Đại Tây Dương đến Ấn Độ Dương.
- C. Là vùng biển chính cho tàu thuyền neo đậu.
- D. Là tuyến đường giao thông biển huyết mạch.

Câu 16. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Ít có các đảo, quần đảo lớn bao bọc xung quanh.
- B. Ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- D. Là tuyến giao thông hàng hải duy nhất trên biển.

Câu 17. Đối với các tranh chấp chủ quyền biển, đảo, Việt Nam chủ trương

- A. kiên quyết sử dụng pháp lí để kiện ra tòa án quốc tế.
- B. dùng vũ lực quân sự để giữ và giành lại các đảo đã mất.
- C. giải quyết các tranh chấp thông qua biện pháp hòa bình.
- D. nhân nhượng, thỏa hiệp với các nước để đổi lấy hòa bình.

Câu 18. Đối với các tranh chấp chủ quyền biển, đảo, Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp thông qua biện pháp hòa bình với tinh thần

- A. đề cao vai trò của tòa án quốc tế.
- B. không nhượng bộ trong mọi hoàn cảnh.
- C. hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.
- D. thỏa hiệp để đổi lấy hòa bình.

Câu 19. Đối với các tranh chấp chủ quyền biển, đảo, Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp thông qua biện pháp hòa bình với tinh thần

- A. đề cao vai trò của tòa án quốc tế.
- B. không nhượng bộ trong mọi hoàn cảnh.
- C. tuân thủ luật pháp quốc tế.
- D. thỏa hiệp để đổi lấy hòa bình.

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách hành chính ở trung ương của vua Lê Thánh Tông?

- A. Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.
- B. Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.
- C. Giữ lại một số ít quan đại thần cùng vua bàn việc khi cần.
- D. Tổ chức hoàn thiện cơ cấu, chức năng của lục Bộ (sáu bộ).

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2 điểm)

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau:

Năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây thành Tây Đô (còn gọi là thành Nhà Hồ, thuộc Thanh Hóa ngày nay) rồi ép vua Trần dời đô về đây. Phía ngoài thành là hệ thống hào quy mô lớn kết hợp lũy tre gai dày đặc. Năm 1402, nhà Hồ đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu (Thừa Thiên Huế và phía Bắc Quảng Nam

ngày nay). Năm 1405, nhà Hồ cho quân đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển và những nơi xung yếu trên sông để phòng giặc, xây dựng hệ thống phòng thủ dài hàng trăm ki – lô – mét

(*Sách Giáo khoa Lịch sử II*, Bộ Cánh diều, tr.64)

- a. Đoạn trích đề cập đến một số hoạt động của nhà Hồ nhằm chấn chỉnh quốc phòng
- b. Việc xây thành Tây Đô, đắp sửa đường sá của Hồ Quý Ly nhằm mục đích duy nhất là bảo vệ quyền lợi vương triều Hồ
- c. Đoạn trích chủ yếu nhằm phê phán sự lộng quyền của Hồ Quý Ly về mặt quân đội, quốc phòng
- d. Việc xây thành Tây Đô, đắp sửa đường sá, đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển của Hồ Quý Ly xuất phát từ thực trạng đất nước đứng trước nguy cơ ngoại xâm

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Biển Đông có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng, có đến hơn 160 000 loài, gần 10 000 loài thực vật và 260 loài chim sống ở biển. Trong đó, trữ lượng cá ở vùng biển nước ta khoảng 5 triệu tấn/năm, trữ lượng cá có thể đánh bắt hàng năm khoảng 2,3 triệu tấn. Trữ lượng dầu mỏ và khí đốt ở thềm lục địa Việt Nam được xác minh là gần 550 triệu tấn dầu và trên 610 tỉ m³ khí.... Bờ biển Việt Nam dài và có nhiều bãi cát, vịnh, hang động tự nhiên đẹp như Hạ Long, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Vũng Tàu, Hà Tiên,... là tiềm năng cho phát triển kinh tế du lịch. Đặc biệt, hệ thống ven biển của Việt Nam có nhiều địa điểm thuận lợi cho việc xây dựng các cảng nước sâu và trung bình, phục vụ tốt cho sự phát triển kinh tế đất nước.

(*Sách giáo khoa Lịch sử II*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.85)

- a. Toàn bộ đoạn tư liệu cung cấp thông tin về sự phát triển của ngành khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản ở nước ta.
- b. Tài nguyên sinh vật ở Biển Đông bao gồm hai loại là thực vật và chim.
- c. Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển du lịch biển do có nhiều vịnh, hang động, bờ biển đẹp ven Biển Đông.
- d. Các cảng nước sâu và trung bình được xây dựng ven Biển Đông liên quan trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của đất nước.

III. Tự luận (3 điểm)

Câu 1: Có ý kiến cho rằng “Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn, kiên quyết và táo bạo”. Em đồng ý với nhận định đó không? Tại sao?

Câu 2: Giải thích tầm quan trọng chiến lược về kinh tế và chính trị - an ninh của Biển Đông ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.